

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0642009 - Vẽ Kỹ thuật
Lớp :

STC : 4(60,0,0,0,0,0) Lần thi : 2
Năm học : 2012-2013 Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Nguyễn Văn	Toàn	3641010370	22/02/1994	,00	,00	,00	CT
2	Trương Hiệp	Sương	3642010533	12/01/1994	5,00	2,00	3,50	
3	Nguyễn Lê Bảo	Ân	3644010001	26/02/1993	4,50	,00	2,30	
4	Trần Triệu	Vĩ	3644010002	15/10/1993	5,00	1,00	3,00	
5	Nguyễn Quốc	Vinh	3644010008	30/08/1994	5,00	5,00	5,00	
6	Trần Đình	Khoa	3644010009	28/04/1994	5,00	4,00	4,50	
7	Trần Việt	Cường	3644010010	01/05/1994	,00	,00	,00	CT
8	Đặng Đức	Anh	3644010015	06/07/1992	4,50	1,00	2,80	
9	Nguyễn Hữu	Toàn	3644010017	10/05/1994	4,50	4,00	4,30	
10	Phạm Hoài	Phong	3644010031	05/06/1994	,00	,00	,00	CT
11	Nguyễn Văn	Pháp	3644010033	02/01/1994	4,50	1,00	2,80	
12	Nguyễn Văn	Khánh	3644010037	11/09/1994	,00	,00	,00	CT
13	Nguyễn Anh	Tài	3644010041	23/03/1993	5,00	5,00	5,00	
14	Phan Thành	Tấn	3644010045	02/02/1994	4,50	,00	2,30	
15	Ngô Minh	Hùng	3644010050	15/11/1993	5,00	4,00	4,50	
16	Hoàng Văn	Bằng	3644010063	14/02/1993	,00	,00	,00	CT
17	Vũ Lê Bắc	Nam	3644010075	13/02/1994	,00	,00	,00	CT
18	Nguyễn Hoàng Khánh	Tân	3644010091	16/05/1994	,00	,00	,00	CT
19	Lê Quang	Hân	3644010119	28/02/1994	,00	,00	,00	CT
20	Dương Văn	Thế	3644010122	06/01/1994	5,00	3,00	4,00	
21	Nguyễn Chí	Công	3644010134	04/01/1993	4,00	,00	2,00	
22	Nguyễn Tiến	Dũng	3644010147	22/08/1994	4,50	4,00	4,30	
23	Nguyễn Trần Vương Vũ	Cường	3644010153	25/01/1993	5,00	3,00	4,00	
24	Nguyễn Quốc	Thái	3644010154	23/01/1993	4,00	1,00	2,50	
25	Trình Văn	Nam	3644010157	12/04/1994	5,00	,00	2,50	
26	Nguyễn Đắc	Tài	3644010176	11/04/1994	,00	,00	,00	CT
27	Võ Thanh	Hạnh	3644010191	14/04/1994	5,00	2,00	3,50	
28	Nguyễn Hoàng	Nhân	3644010204	17/07/1993	4,00	,00	2,00	
29	Lê Văn	Danh	3644010217	12/01/1992	4,50	,00	2,30	
30	Nguyễn Hoàng	Nam	3644010226	20/01/1992	5,00	2,00	3,50	
31	Nguyễn Hữu	Thạnh	3644010251	12/11/1993	4,50	1,00	2,80	
32	Tô Minh	Toàn	3644010264	10/12/1992	4,00	,00	2,00	
33	Nguyễn Văn	Nhận	3644010273	19/04/1994	5,00	3,00	4,00	
34	Huỳnh Thanh	Hiệp	3644010281	11/05/1993	4,50	3,00	3,80	
35	Nguyễn Văn	Đông	3644010291	06/10/1994	5,50	3,00	4,30	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Võ Hữu	Công	3644010293	05/02/1993	5,00	4,00	4,50	
37	Văn Thế	Đồng	3644010298	02/02/1994	5,00	,00	2,50	
38	Nguyễn Đình	Huy	3644010303	15/07/1993	5,00	3,00	4,00	
39	Nguyễn Khắc	Điệp	3644010306	21/09/1994	5,00	,00	2,50	
40	Trần Minh	Toàn	3644010307	20/08/1993	4,50	,00	2,30	
41	Kiều Vũ	Khương	3644010310	27/03/1994	5,50	2,00	3,80	
42	Nguyễn Đức	Dương	3644010316	02/04/1993	5,00	,00	2,50	
43	Đường Dĩ	Cử	3644010322	05/08/1990	4,50	1,00	2,80	
44	Lê Minh	Thông	3644010323	04/03/1993	4,50	,00	2,30	
45	Huỳnh Hoàng	Minh	3644010328	01/09/1993	4,50	1,00	2,80	
46	Nguyễn Kim	Bình	3644010338	24/11/1994	4,50	4,00	4,30	
47	Hà Thư	Hoàng	3644010340	18/07/1993	5,00	4,00	4,50	
48	Hà Nhất	Linh	3644010346	20/04/1993	,00	,00	,00	CT
49	Nguyễn Hồng	Thiện	3644010351	16/03/1994	5,00	,00	2,50	
50	Lê Văn	Duân	3644010363	02/10/1994	5,50	4,00	4,80	
51	Lê Tấn	Vũ	3644010376	20/07/1994	4,50	2,00	3,30	
52	Nguyễn Nhật	Huy	3644010393	02/09/1994	5,50	1,00	3,30	
53	Ngô Hữu	Thọ	3644010399	10/12/1993	,00	,00	,00	CT
54	Lê Quốc	Huy	3644010416	01/01/1994	4,50	,00	2,30	
55	Lư Minh	Luân	3644010418	16/08/1993	4,50	,00	2,30	
56	Đỗ Ý	Trường	3644010419	27/05/1993	5,00	4,00	4,50	
57	Nguyễn Trường	Dinh	3644010429	21/10/1993	5,00	1,00	3,00	
58	Đặng Lâm Quốc	Thành	3644010431	16/10/1994	,00	,00	,00	CT
59	Vương Quốc	Bảo	3644010432	26/07/1993	5,00	5,00	5,00	
60	Lê Công	Thảo	3644010439	12/06/1994	5,00	5,00	5,00	
61	Nguyễn Văn	Sang	3644010446	25/08/1994	5,50	4,00	4,80	
62	Nguyễn Văn	Danh	3644010454	28/08/1993	,00	,00	,00	CT
63	Nguyễn Trọng	Tấn	3644010456	14/06/1994	5,00	3,00	4,00	
64	Nguyễn Hoàng	Khan	3644010457	21/07/1993	5,00	,00	2,50	
65	Nguyễn Đăng	Khánh	3644010458	08/08/1994	4,00	2,00	3,00	
66	Nguyễn Hồ	Quân	3644010461	10/01/1992	,00	,00	,00	CT
67	Nguyễn Quang	Phong	3644010479	02/08/1994	,00	,00	,00	CT
68	Phan Thành	Lễ	3644010484	16/04/1994	5,50	5,00	5,30	
69	Phan Vĩnh	Nghi	3644010485	16/04/1994	5,50	3,00	4,30	
70	Hồ Quang	Huy	3644010490	15/06/1993	4,00	5,00	4,50	
71	Đoàn Ngọc	Tuấn	3644010491	26/12/1994	,00	,00	,00	CT
72	Phạm Minh	Hải	3644010492	13/03/1994	,00	,00	,00	CT
73	Đặng Tấn	Hòa	3644010493	05/05/1992	,00	,00	,00	CT
74	Phạm Văn	Tiến	3644010518	20/10/1993	4,50	2,00	3,30	
75	Hồ Trương Kỳ	Phong	3644010523	07/10/1994	5,00	1,00	3,00	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
76	Khuru Dũ	Cường	3644010524	05/09/1994	,00	,00	,00	CT
77	Đặng Hào	Kiệt	3644010527	28/06/1994	4,50	3,00	3,80	
78	Đình Thiên	Thành	3644010531	26/08/1994	,00	,00	,00	CT
79	Nguyễn Hữu	Hoàng	3644012000	22/06/1993	4,50	,00	2,30	
80	Đỗ Đức	Khánh	3644012001	25/09/1993	5,00	,00	2,50	
81	Nguyễn Văn	Hoàn	3644012017	19/03/1993	5,50	4,00	4,80	
82	Nguyễn Công Hân	Hoan	3644012024	10/06/1994	4,50	,00	2,30	
83	Lâu Quốc	Huân	3644012032	10/05/1994	4,50	3,00	3,80	
84	Phạm Thành	Tín	3644012042	22/08/1994	6,00	5,00	5,50	
85	Phạm Đình	Khiêm	3644012056	20/12/1992	5,00	2,00	3,50	
86	Phan Minh	Mẫn	3644012063	14/07/1992	5,50	2,00	3,80	
87	Lê	Vũ	3644012066	10/09/1992	,00	,00	,00	CT
88	Nguyễn Hữu Hoàng	Đăng	3644012070	30/06/1993	4,50	,00	2,30	
89	Cát Văn	Tuân	3644012071	27/03/1994	5,00	,00	2,50	
90	Vũ Thành	An	3644012100	25/09/1994	,00	,00	,00	CT
91	Võ Minh	Quyền	3644012109	08/06/1993	4,00	,00	2,00	
92	Châu Quốc	Tính	3644012110	04/02/1993	,00	,00	,00	CT
93	Phan Trọng	Nhật	3644012113	06/11/1992	5,00	3,00	4,00	
94	Lê Văn	Nhon	3644012116	19/09/1993	5,00	,00	2,50	

Tổng số : SV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 05 năm 2013

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)